TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **52**/2024/LĐ-PT
Ngày: 24 - 4 - 2024
V/v "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN D ANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Các Thẩm phán: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Bà Nguyễn Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 25/2024/TLPT-LĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 4337/2023/LĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1384/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4143/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: C L - Đường D, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH S (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Tòa T - Lotte Center H, E L, Phường C, quận B, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh: 8 H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Neil Alexander M.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trịnh Thị Nhị H1, sinh năm 1992 và/hoặc bà Trần Thị Huyền A; (Là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền ngày 01/4/2024) (bà H1 có mặt)

Người làm chứng: Ông Lưu Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1997; Địa chỉ: F L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Chí H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:

Ông Nguyễn Chí H và Công ty TNHH S (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty S) ký hợp đồng lao động số Savills/HĐLĐ/2020/A0150, thời hạn hợp đồng từ ngày 30/8/2020 đến 31/8/2021, vị trí công việc là Phó quản lý kỹ thuật, mức lương chính 23.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng lao động số Savills/HĐLĐ/2021/A0150, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/8/2021 đến 31/7/2022, vị trí công việc là Phó phụ trách quản lý kỹ thuật, mức lương chính 23.000.000 đồng/tháng. Ngày 20/4/2022 Công ty S gửi thông báo yêu cầu ông H chấm dứt công việc tại Trung tâm thương mại C (A T, phường T, Quận G), yêu cầu bàn giao tài sản, khóa vân tay chấm công để ông H không vào làm việc được. Ngày 21/4/2022 Công ty S gửi thông báo yêu cầu ông H đến làm việc tại S –KidClup tại Bình Dương từ ngày 22/4/2022, vị trí mà Công ty S yêu cầu ông H chuyển đến làm việc cách nhà ông H 42km, ông H không chấp nhận sự thay đổi này, Công ty S yêu cầu ông H viết đơn xin nghỉ việc, ngày 25/4/2022 ông H có viết đơn xin nghỉ việc gửi qua Zalo cho nhân viên phòng nhân sự nhưng trong đơn có yêu cầu Công ty S phải bồi thường thì ông H mới nghỉ việc nhưng Công ty S không bồi thường, việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật. Vì vậy ông Nguyễn Chí H yêu cầu Công ty S trả lương theo hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/7/2022 là 69.000.000 đồng (tương ứng 3 tháng x 23.000.000 đồng/tháng); Bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 69.000.000 đồng (tương ứng 3 tháng x 23.000.000 đồng/tháng); Bồi thường 3 tháng lương do ông H không trở lại làm việc là 69.000.000 đồng (tương ứng 3 tháng x 23.000.000 đồng/tháng); Công ty không báo trước 30 ngày nên phải bồi thường 01 tháng lương là 23.000.000 đồng. Tổng cộng là 230.000.000 đồng; Công ty TNHH S phải đóng BHXH, BHYT, BHTN tháng 5, 6,7/2022 cho ông Nguyễn Chí H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Huyền T1 và ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) cùng thống nhất trình bày:

Công ty S hoạt động chính trong lĩnh vực quản lý vận hành bất động sản (như các dự án, Tòa nhà chung cư, Văn phòng thương mại…). Hiện nay bị đơn đang quản lý nhiều dự án bất động sản trên khắp các tỉnh thành, do vậy tùy thuộc vào tình hình của từng dự án, các nhân viên làm việc tại dự án có thể được điều chuyển đến dự án khác nhằm đảm bảo sự vận hành tốt nhất cho dự án. Do vậy trước khi được tuyển dụng Công ty đều thông báo và được thỏa thuận rõ trong hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động số Savills/HĐLĐ/2021/A0150 được ký giữa Công ty S và ông Nguyễn Chí H, thời hạn hợp đồng từ ngày

01/8/2021 đến 31/7/2022, vị trí công việc là Kỹ sư dự án, địa điểm làm việc tại Crescent Mall hoặc địa điểm khác theo chỉ định của Công ty S ở từng thời điểm. Tháng 4/2022, do Công ty cần điều chuyển nguyên đơn đến làm việc tại dự án khác, trong quá trình trao đổi, ông H nộp đơn xin nghỉ việc cho bộ phận nhân sự, trong đơn bị đơn ghi rõ ngày làm việc cuối cùng là ngày 26/4/2022. Căn cứ đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn, Công ty S đã ban hành quyết định nghỉ việc đúng quy định pháp luật. Vì vậy đối với yêu cầu của nguyên đơn bị đơn không đồng ý.

Tại đơn cam kết ngày 15/9/2023 người làm chứng ông Lưu Nguyễn Xuân T trình bày:

Nội dung đơn kết thúc công việc được lấy từ cuộc hội thoại giữa ông T và ông H vào ngày 25/4/2022 thông qua ứng dụng nhắn tin zalo, ông T cam kết nội dung ông T trình bày là đúng pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Bản án lao động sơ thẩm số 4337/2023/LĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 34, 48 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H về việc yêu cầu Công ty S thanh toán lương, bồi thường tổng cộng 230.000.000 đồng (trong đó thanh toán lương theo hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/7/2022: 3 tháng x 23.000.000 đồng/tháng = 69.000.000 đồng, bồi thường 3 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 69.000.000 đồng, bồi thường 3 tháng lương do ông H không trở lại làm việc là 69.000.000 đồng, 30 ngày vi phạm thời hạn báo trước là 23.000.000 đồng) và yêu cầu Công ty S phải đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tháng 5, 6, 7/2022 cho ông Nguyễn Chí H.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Chí H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, Công ty S không phải chịu án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 16/11/2023, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:

Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do là Đơn kết thuc công việc nguyên đơn gửi ngày 25/4/2022 qua Zalo cho ông Lưu Nguyễn Xuân T, quản lý của ông có ghi nội dung viết tay là yêu cầu Công ty đền bù hợp đồng lao động. Sau khi xử sơ thẩm, về nhà tìm kiếm hồ sơ thì ông xác nhận chỉ cung cấp được bản photo tài liệu này tại phiên tòa phúc thẩm, không cung cấp được bản chính tài liệu, file PDF hình chụp tài liệu cho Tòa án vì file tài liệu này chuyển qua Zalo đã bị xóa và ông không tìm thấy bản chính tài liệu, file PDF hình chụp tài liệu. Ông thừa nhận chữ ký trên tài liệu Đơn kết thúc công việc được ông T nộp tại Cấp sơ thẩm là chữ ký của ông. Quá trình làm việc, Công ty T2, gây khó cho ông, ba lần lập biên bản cảnh cáo nhưng ông không ký, tìm mọi cách muốn cho ông nghỉ việc. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết này để bảo vệ cho người lao động, chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) có bà Trịnh Thị Nhị H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn chấm dứt hợp đồng theo đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Lao động, xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo nơi cư trú của nguyên đơn theo lựa chọn Tòa án của nguyên đơn là đúng quy định.

[1.3] Cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng ông Lưu Nguyễn Xuân T là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ lao động, các bên đương sự xác nhận:

Nguyên đơn ông Nguyễn Chí H2 và bị đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố H theo Hợp đồng lao động số Savills/HĐLĐ/2020/A0150 ngày 30/8/2020 có thời hạn hợp đồng từ ngày 30/8/2020 đến 31/8/2021 và Hợp đồng lao động số Savills/HĐLĐ/2020/A0150 ngày 31/7/2021 có thời hạn hợp đồng từ ngày 01/8/2021 đến 31/7/2022. Vị trí công việc là P phụ trách quản lý kỹ thuật, mức lương chính 23.000.000 đồng/tháng, địa điểm làm việc là tại C (Quận G) hoặc địa điểm khác theo chỉ định của Công ty S ở từng thời điểm.

Ngày 09/6/2022, Công ty S ban hành Quyết định nghỉ việc xác định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H từ ngày 26/4/2022 căn cứ đơn xin nghỉ việc của ông Nguyễn Chí H.

[2.2] Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm:

Hai (2) thông báo được gửi từ email của bà Bùi Huỳnh Tâm P1 và ông Lưu Nguyễn Xuân T vào ngày 20/4/2022 và ngày 21/4/2022 đến email của ông H, nội dung yêu cầu ông H bàn giao công việc và đồ dùng tại C (Quận G) và chuyển đến làm việc lại S1 (Bình Dương) từ ngày 22/4/2022; Các thông tin trao đổi giữa ông H và Xuân T vào ngày 19/4/2022, 20/4/2022, 22/4/2022, 25/4/2022, 06/6/2022 và ngày 07/6/2022 thông qua ứng dụng Zalo do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời nguyên đơn xác nhận các bản chụp trao đổi qua lại giữa ông H và Xuân T được in ra từ Zalo của ông H có số điện thoại 0382402598, ông H cũng xác nhận Lưu Nguyễn Xuân T là nhân viên bộ phận nhân sự của Công ty S. Nguyên đơn cho rằng trong Đơn đề nghị kết thúc công việc nguyên đơn có ghi điều kiện để kết thúc tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được tài liệu này theo yêu cầu của Cấp sơ thẩm.

Bị đơn cung cấp Đơn kết thúc công việc ghi ngày 25/4/2022 của người làm đơn là ông Nguyễn Chí H, nội đung đơn kết thúc công việc ghi: "*nay tôi làm đơn này xin Ban Giám đốc cho tôi được thôi việc, có hiệu lực từ ngày 26/4/2022 ...*". Nguyên đơn thừa nhận chữ ký trên tài liệu Đơn kết thúc công việc ghi ngày 25/4/2022 này tại Cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm;

Quyết định nghỉ việc số SAVILLS/TER/2022/A0150 ngày 09/6/2022, biên bản bàn giao sổ bảo hiểm xã hội cho ông H.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên xác định hợp đồng lao động của ông H kết thúc vào ngày 26/4/2022 theo đơn xin kết thúc công việc tại Công ty S với ngày làm việc cuối cùng tại dự án là ngày 26/4/2022. Căn cứ vào đơn xin kết thúc công việc, ngày 09/6/2022 Công ty S ban hành quyết định nghỉ việc đối với ông H là có căn cứ. Tại thời điểm ông H nộp đơn xin nghỉ việc là do ý chí của ông H, việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông H và Công ty S là do hai bên tự thỏa thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019. Cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là phù hợp.

Đối với tài liệu Đơn kết thúc công việc do nguyên đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm, do tài liệu này là bản photo, nguyên đơn không cung cấp được bản chính của tài liệu để đôi chiếu hoặc file PDF hình chụp bản chính được chuyển qua Z để kiểm tra nên không đảm bảo đúng quy định về xác định chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không được chấp nhận.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm và bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 4337/2023/LĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 34, 48 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) thanh toán tiền lương cho những ngày không được làm việc và bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với số tiền tổng cộng là 230.000.000 (hai trăm, ba mươi triệu) đồng (trong đó thanh toán tiền lương cho những ngày không được làm việc theo hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/7/2022: 3 tháng x 23.000.000 đồng/tháng = 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng, bồi thường 3 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng, bồi thường 3 tháng lương do ông H không trở lại làm việc là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng, 30 ngày vi phạm thời hạn báo trước là 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng) và yêu cầu Công ty TNHH S (Việt Nam) phải đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tháng 5, 6, 7/2022 cho ông Nguyễn Chí H.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Chí H không phải nộp do thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Bị đơn Công ty TNHH S (Việt Nam) không phải chịu án phí.

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Chí H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn nộp.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân tp.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp.Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tài